TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 374/2024/HS-PT
Ngày: 22-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Võ Phong Lưu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 136/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Trương Thị T do có kháng cáo của bị cáo Trương Thị T và bị hại Trần Thị C, Huỳnh Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Với điểm cầu trung tâm tại Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị cáo có kháng cáo, bị kháng* cáo, *không bị kháng nghị:* Trương Thị T, sinh năm 1981 tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Hoàng K và bà Nguyễn Thị L; Có chồng và 02 con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15 tháng 11 năm 2022 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trần Thị Thùy T1, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Văn T2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa chỉ định cho bị cáo Trương Thị T. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:*

Bị hại:

1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trương Thị T bắt đầu làm chủ hụi từ năm 2014 tại ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu để hưởng hoa hồng.

Đến năm 2018, bị cáo đã sử dụng tiền của các hụi viên đóng hụi để lấp hụi và tiêu xài cá nhân dẫn đến mất cân đối. Từ đó, bị cáo nảy sinh ý thức chiếm đoạt tiền của các hụi viên, bằng cách lập ra nhiều dây hụi mới, thực hiện hành vi mạo danh hụi viên để hốt hụi và bán hụi khống cho hụi viên.

Trong thời gian từ khoảng tháng 11 năm 2018 đến tháng 10 năm 2021, bị cáo có tổ chức 10 dây hụi, trong đó có 08 dây hụi liên quan đến hành vi mạo danh hụi viên và bán hụi khống để chiếm đoạt tổng số tiền là 4.275.080.000đ. Đến ngày 19 tháng 10 năm 2021, bị cáo tuyên bố vỡ hụi, cụ thể:

1. Đối với hành vi lập và hốt hụi khống

- Dây 1: Hụi nửa tháng 500.000 đồng, mở ngày 16 tháng 11 năm 2018 (nhằm ngày 10 tháng 10 năm 2018 âm lịch), có 70 phần: 17 hội viên tham gia 44 phần và bị cáo tham gia 26 phần.

Đã mở được 69 kỳ, trong đó bị cáo mạo danh hụi viên hốt 15 phần và số hụi viên chưa hốt 16 phần, đã đóng tiền hụi cho bị cáo gồm: Quang Thị C1, Lê Diệu Á, Lê Diệu N, Nguyễn Thị L1, Hà Thị H1 mỗi người 01 phần 22.140.000 đồng; Châu Thị Â, Trương Minh V mỗi người 02 phần 44.280.000 đồng; Trương Thị Đ 03 phần 66.420.000 đồng; Nguyễn Thị R 04 phần 88.560.000 đồng. Tổng cộng: 354.240.000 đồng.

Hụi viên đã hốt và còn nợ bị cáo gồm: Lê Thị H2, Lê Diệu N, Nguyễn Thị L1 mỗi người 01 phần 500.000 đồng; Trần Thị T3, Huỳnh Thị H, Lê Diệu Á, Lê Thị D mỗi người 02 phần 1.000.000 đồng; Quang Thị C1, Lê Ngọc N1 mỗi người tham gia 03 phần 1.500.000đ; Trần Kim T4 04 phần 2.000.000 đồng. Tổng cộng: 10.500.000 đồng.

Số tiền bị cáo chiếm đoạt: 354.240.000 đồng - 10.500.000 đồng = 343.740.000 đồng.

Riêng các hụi viên Cao Trí N2 (02 phần) vắng mặt địa phương chưa làm việc được và hụi viên Nguyễn Thị H3 (05 phần) không hợp tác làm việc.

- Dây 2: Hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 24 tháng 02 năm 2019 (nhằm ngày 20 tháng 01 năm 2019 âm lịch), có 32 phần: 21 hụi viên tham gia 30 phần và bị cáo tham gia 02 phần.

Đã mở được 32 kỳ, trong đó bị cáo mạo danh hụi viên hốt 06 phần, và số hụi viên chưa hốt 06 phần, đã đóng tiền hụi cho bị cáo gồm: Trần Kim P 02 phần 213.160.000 đồng; Nguyễn Thị L, Lê Ngọc N1, Đặng Thị D1 và Lê Thị L2 mỗi người 01 phần 106.580.000 đồng. Tổng cộng: 939.480.000 đồng.

Hụi viên đã hốt và còn nợ tiền hụi bị cáo gồm: Phạm Thị L3 01 phần 50.000.000 đồng; Trần Thị C 02 phần 20.000.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng Đ1 02 phần 81.000.000 đồng; Trần Thị L4 02 phần 10.000.000 đồng; Trần Thị N3 02 phần 20.000.000 đồng; Trần Kim H4, Trương Thị T5, Trần Văn T6 mỗi người 01 phần 10.000.000 đồng; Phạm Thị P1, Lê Diệu Á mỗi người 01 phần; Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị Bích P2 mỗi người 02 phần và Lê Mỹ N4 03 phần nhưng đã đóng đủ kỳ. Tổng cộng: 211.000.000 đồng.

Số tiền bị cáo chiếm đoạt: 639.480.000 đồng - 211.000.000 đồng = 428.480.000 đồng. Riêng các hụi viên Võ Quốc H5 (01 phần), Nguyễn Thị S (01 phần) vắng mặt địa phương chưa làm việc được và hụi viên Trần Thị K1 (02 phần) bị bệnh nặng không làm việc.

- Dây 3: Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 12 tháng 9 năm 2019 (nhằm ngày 14 tháng 8 năm 2019 âm lịch), có 44 phần: 27 hụi viên tham gia 43 phần và bị cáo tham gia 01 phần.

Đã mở được 25 kỳ, trong đó bị cáo mạo danh hụi viên hốt 08 phần và hụi viên chưa hốt hụi đã đóng cho bị cáo gồm: Đồng Thị N5, Trần Thái T7, Huỳnh Thị B, Trần Thị C, Lưu Kiều P3, Lê Diệu X, Cao Thị N6, Nguyễn Chí N7, Lê Trúc L5; Phan Ngọc T8, Nguyễn Thị R mỗi người 01 phần 31.180.000 đồng; Nguyễn Thị C2, Huỳnh Thị H, Cao Thị L6, Trương Thị H6, Trương Thị T5 mỗi người 02 phần 62.360.000 đồng; Lê Thị L2 02 phần 123.800.000 đồng và Trần Kim T4 03 phần 93.540.000 đồng. Tổng cộng: 872.120.000 đồng.

Hụi viên đã hốt và còn nợ tiền hụi bị cáo gồm: Nguyễn Thị T9, Trần Thị C, Đặng Ngọc M, Hà Thị C3, Huỳnh Thị Bích P2 mỗi người 01 phần, nợ 36.000.000 đồng/người; Đặng Thị D1 01 phần, nợ 20.000.000 đồng và Lê Ngọc N1 04 phần, nợ 144.000.000 đồng. Tổng cộng: 344.000.000 đồng.

Số tiền bị cáo chiếm đoạt: 872.120.000 đồng - 344.000.000 đồng =528.120.000 đồng. Riêng các hụi viên Hà Kim T10 (04 phần); Võ Quốc H5 (02 phần) vắng mặt địa phương chưa làm việc được và hụi viên Nguyễn Thị H3 (01 phần) không hợp tác làm việc.

- Dây 4: Hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 08 tháng 02 năm 2020 (nhằm ngày 15 tháng 01 năm 2020 âm lịch), có 30 phần: 17 hụi viên tham gia 29 phần và bị cáo tham gia 01 phần.

Đã mở được 20 kỳ, bị cáo mạo danh hụi viên hốt 08 phần và số tiền hụi viên chưa hốt hụi đã đóng hụi cho bị cáo gồm: Trần Thị C, Võ Thị C4, Huỳnh Thị Bích P2, Lê Diệu Á, Nguyễn Văn Đ2 và Nguyễn Văn H7 mỗi người 01 phần 55.930.000 đồng; Bùi Kim C5 02 phần 167.230.000 đồng; Vương Ngọc H8, Tô Mộng L7 mỗi người 02 phần 111.860.000 đồng; Võ Ánh H9 03 phần 167.790.000 đồng và Tô Thanh T11 03 phần 315.720.000 đồng. Tổng cộng: 1.210.040.000đ.

Hụi viên đã hốt và còn nợ lại bị cáo gồm: Huỳnh Thị H, Vương Ngọc H8, Lê Ngọc N1, Phạm Kim O, Trương Thị P4, Huỳnh Thị Bích P2 mỗi người 01 phần 50.000.000 đồng; Nguyễn Kim P5 02 phần 100.000.000 đồng; Nguyễn Văn M1 03 phần 150.000.000 đồng. Tổng cộng: 550.000.000 đồng.

Số tiền bị cáo chiếm đoạt: 1.210.040.000 đồng - 550.000.000 đồng = 660.040.000 đồng.

- Dây 5: Hụi nửa tháng 500.000 đồng, mở ngày 03 tháng 3 năm 2020 (nhằm ngày 10 tháng 02 năm 2020 âm lịch), có 40 phần: 22 hụi viên tham gia 39 phần, bị cáo tham gia 01 phần.

Đã mở được 38 kỳ, trong đó bị cáo mạo danh hụi viên hốt 04 phần và hụi viên chưa hốt đã đóng tiền hụi cho bị cáo 06 phần gồm: Nguyễn Thị B1, Quang Thị C1, Nguyễn Thị H10, Nguyễn Thị L1 mỗi người 01 phần 12.840.000 đồng; Đặng Thị D1 02 phần 25.680.000 đồng. Tổng cộng: 77.040.000 đồng.

Hụi viên đã hốt và còn nợ bị cáo gồm: Lê Thị H2, Đinh Kim Y mỗi người 01 phần 1.000.000 đồng /người; Trương Thị T5, Huỳnh Thị Ử, Lê Diệu Á mỗi người 01 phần; Nguyễn Thị L8, Nguyễn Thị L9, Nguyễn Siêu N8, Nguyễn Thị Q mỗi người 02 phần nhưng đã đóng đủ kỳ; Hà Thị C3, Hồ Minh C6, Đặng Thị D1, Lê Diệu N mỗi người 02 phần 2.000.000 đồng; Nguyễn Út E, Nguyễn Văn L10, Huỳnh Thị H mỗi người 03 phần 3.000.000 đồng. Tổng cộng: 19.000.000 đồng.

Số tiền bị cáo chiếm đoạt là: 77.040.000 đồng - 19.000.000 đồng =58.040.000 đồng. Riêng các hụi viên Võ Quốc H5 (01 phần) vắng mặt địa phương chưa làm việc được và hụi viên Nguyễn Thị H3 (02 phần) không hợp tác làm việc.

- Dây 6: Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 12 tháng 9 năm 2020 (nhằm ngày 25 tháng 7 năm 2020 âm lịch), có 39 phần: 21 hụi viên tham gia 38 phần và bị cáo tham gia 01 phần.

Đã mở được 13 kỳ, trong đó bị cáo mạo danh hụi viên hốt 07 phần và số tiền hụi viên chưa hốt hụi 33 phần đã đóng tiền hụi cho bị cáo gồm: Đinh Kim Y, Nguyễn Thị R, Đỗ Yến P6, Hồ Minh H11, Hồ Minh C6, Nguyễn Thị H10, Bùi Kim C5, Lê Thị L2, Ngô Thị L11 mỗi người 01 phần 16.280.000 đồng; Trương Minh V, Huỳnh Thị H, Đặng Ngọc M, Huỳnh Thị Bích P2 mỗi người 02 phần 32.560.000 đồng; Trương Thị Đ 03 phần 48.840.000 đồng; Đặng Thị D1, Nguyễn Kim T12 mỗi người 04 phần 65.120.000 đồng và Nguyễn Văn H7 05 phần 81.400.000 đồng. Tổng cộng: 537.240.000 đồng.

Hụi viên đã hốt và còn nợ tiền hụi bị cáo gồm: Cao Thị N6 01 phần 44.000.000 đồng, Nguyễn Kim P7, 01 phần đã đóng đủ kỳ. Tổng cộng: 44.000.000 đồng.

Số tiền bị cáo chiếm đoạt là: 537.240.000 đồng - 44.000.000 đồng = 493.240.000 đồng. Riêng các hụi viên tên Hoàng A (02 phần) không xác định địa chỉ và hụi viên Nguyễn Thị H3 (01 phần) không hợp tác làm việc.

- Dây 7: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 28 tháng 12 năm 2020 (nhằm ngày 15 tháng 11 năm 2020 âm lịch), có 39 phần: 16 hụi viên tham gia 38 phần và bị cáo tham gia 01 phần.

Đã mở được 17 kỳ, trong đó bị cáo mạo danh hụi viên hốt 09 phần và hụi viên chưa hốt 28 phần đã đóng hụi cho bị cáo gồm Lê Thị D, Lưu Văn S1, Lê Diệu N, Nguyễn Thị B1, Hà Thị C3, Lê Diệu Á mỗi người 01 phần 11.540.000 đồng; Nguyễn Thị Q, Trương Thị Đ mỗi người 03 phần 34.620.000 đồng; Huỳnh Thị H, Trần Kim T4 mỗi người 04 phần 46.160.000 đồng và Trần Kim P 08 phần 92.320.000 đồng. Tổng cộng: 323.120.000 đồng.

Hụi viên đã hốt và còn nợ tiền hụi của bị cáo 04 phần gồm: Trần Kim T4, Nguyễn Siêu N8 mỗi người 01 phần 18.000.000 đồng/người và Lê Ngọc N1 02 phần 36.000.000 đồng. Tổng cộng: 72.000.000 đồng.

Số tiền bị cáo chiếm đoạt là: 323.120.000 đồng - 72.000.000 đồng = 251.120.000 đồng. Riêng các hụi viên Nguyễn Minh Đ3 (04 phần); Nguyễn Thị P8 (01 phần); Lê Văn L12 (01 phần) vắng mặt địa phương chưa làm việc được.

- Dây 8: Hụi tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 28 tháng 02 năm 2021 (nhằm ngày 17 tháng 01 năm 2021 âm lịch), có 33 phần: 18 hụi viên tham gia 32 phần và bị cáo tham gia 01 phần.

Đã mở được 07 kỳ, trong đó bị cáo mạo danh hụi viên hốt 04 phần và số tiền hụi viên chưa hốt 30 phần đã đóng hụi cho bị cáo gồm: Nguyễn Thanh L13, Quang Thị C1, Lê Diệu X, Hà Thị H1, Trần Thị T3, Cao Thị L6, Huỳnh Thị H, Cao Thị

Q1, Trương Thị T5, Lê Diệu Á và Lê Thị L2 mỗi người 01 phần 12.120.000 đồng; Huỳnh Thị H12, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Hồng T13, Huỳnh Thị Ư mỗi người 02 phần 24.240.000 đồng; Huỳnh Thị Bích P2 04 phần, đóng 48.480.000 đồng và Nguyễn Văn H7 07 phần 84.840.000 đồng. Tổng cộng: 363.600.000 đồng.

Hụi viên đã hốt và còn nợ hụi của bị cáo gồm: Huỳnh Thị H, Trần Thị N9 mỗi người 01 phần 72.000.000 đồng. Tổng cộng: 144.000.000 đồng

Số tiền bị cáo chiếm đoạt là: 363.600.000 đồng - 144.000.000 đồng = 219.600.000 đồng.

2. Đối với hành vi bán hụi khống

Bán hụi khống cho Lê Diệu Á, với tổng số tiền 630.750.000 đồng, gồm:

- 01 phần hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 12 tháng 9 năm 2019, số tiền 52.000.000 đồng;

- 03 phần hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 08 tháng 02 năm 2020, số tiền 294.000.000 đồng;

- 02 phần hụi nửa tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 28 tháng 12 năm 2020, số tiền 66.450.000 đồng;

- 03 phần hụi tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 28 tháng 02 năm 2021, số tiền 218.300.000 đồng.

Bán hụi khống cho Trương Thị Đ, với tổng số tiền 316.600.000đ, gồm:

- 02 phần hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 08 tháng 02 năm 2020, số tiền 207.000.000 đồng;

- 01 phần hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 12 tháng 9 năm 2020, số tiền 45.800.000 đồng;

- 02 phần hụi nửa tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 28 tháng 12 năm 2020, số tiền 63.800.000 đồng.

- *Bán hụi khống cho Huỳnh Thị H13, với tổng số tiền 185.700.000 đồng gồm:*

- Một nửa phần hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 12 tháng 9 năm 2020, số tiền 27.400.000 đồng;

- 02 phần hụi tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 28 tháng 02 năm 2021, số tiền 158.300.000 đồng.

Bán hụi khống cho Lê Thị L2, với tổng số tiền 169.400.000 đồng gồm:

- 02 phần hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 12 tháng 9 năm 2019, số tiền 123.350.000 đồng;

- 01 phần hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 12 tháng 9 năm 2020, số tiền 46.050.000 đồng.

Bán hụi khống cho Bùi Kim C5 với tổng số tiền 113.600.000 đồng, gồm:

- 02 phần hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 12 tháng 9 năm 2019, số tiền 113.600.000 đồng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Áp dụng Đ4 a khoản 4 Điều 174; đoạn 3 khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 48; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Trương Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị T 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trương Thị T và ông Lê Văn X1 cùng có nghĩa vụ trả tiền hụi cho các hụi viên, gồm:

Ông Trương Minh V với số tiền	49.720.000đ.
Bà Lê Diệu Á với số tiền	170.000.000đ.
Bà Lê Diệu N với số tiền	18.180.000đ.
Bà Quang Thị C1 với số tiền	20.600.000đ.
Bà Trương Thị Đ với số tiền	175.600.000đ.
Bà Nguyễn Thị R với số tiền	50.000.000đ.
Bà Đặng Thị D1 với số tiền	78.400.000đ.
Bà Đồng Thị N5 với số tiền	20.000.000đ.
Bà Trần Thái T7 với số tiền	20.500.000đ.
Bà Huỳnh Thị B với số tiền	20.000.000đ.
Bà Lê Diệu x với số tiền	26.300.000đ.
Ông Nguyễn Chí N7 với số tiền	20.000.000đ.
Bà Lê Trúc L5 với số tiền	19.180.000đ.
Bà Phan Ngọc T8 với số tiền	21.180.000đ.
Bà Nguyễn Thị C2 với số tiền	35.360.000đ.
Bà Cao Thị L6 với số tiền	44.480.000đ.
Bà Trần Kim T4 với số tiền	90.700.000đ.
Bà Võ Thị C4 với số tiền	37.930.000đ.
Bà Huỳnh Thị Bích P9 với số tiền	50.970.000đ.

Bà Bùi Kim C5 với số tiền	197.110.000đ.
Bà Vương Ngọc H8 với số tiền	61.860.000đ.
Bà Tô Mộng L7 với số tiền	73.860.000đ.
Bà Tô Thanh T11 với số tiền	215.720.000đ.
Bà Nguyễn Thị B1 với số tiền	4.380.000đ.
Bà Nguyễn Thị H10 với số tiền	18.120.000đ.
Bà Đinh Kim Y với số tiền	8.280.000đ.
Bà Nguyễn Thị Q với số tiền	23.620.000đ.
Bà Huỳnh Thị H13 với số tiền	137.940.000đ.
Ông Nguyễn Thanh L13 với số tiền	5.120.000đ.
Bà Huỳnh Thị Ư với số tiền	13.240.000đ.
Bà Châu Thị Ẩ với số tiền	23.280.000đ.
Ông Nguyễn Văn Đ2 với số tiền	37.930.000đ.
Ông Nguyễn Văn H7 với số tiền	130.000.000đ.

Đối với số tiền 50.000.000đ mà bị cáo T đã tự nguyện nộp bồi thường, nộp vào tài khoản số 3591.0.9076859.00000 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh B sẽ được đối trừ vào trách nhiệm dân sự trong giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, bị cáo Trương Thị T có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, bị hại Huỳnh Thị H có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu với nội dung không đồng ý việc Bản án cấp sơ thẩm giải quyết không buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại Huỳnh Thị H với số tiền là 65.000.000 đồng.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, bị hại Trần Thị C có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu với nội dung yêu cầu bà T trả lại cho bị hại Trần Thị C với số tiền là 65.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trương Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không cung cấp tình tiết chứng cứ nào mới.

- Các bị hại vẫn kháng cáo yêu cầu xem xét số tiền buộc bị cáo phải bồi thường, vì chỉ tính số tiền các bị hại đóng vào (tiền vốn góp hụi) thì bị cáo còn nợ mỗi người 65.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo mức án tù là không nặng. Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại, cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo không còn nợ các bị hại là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và các bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận:

Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Luật sư thống nhất với tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá nguyên nhân bị cáo phạm tội. Bởi vì, nguồn gốc bị vỡ hụi là do tay em chơi hụi đã hốt xong nhưng không đóng lại nên buộc bị cáo phải lập khống các dây hụi để lấy tiền choàng hụi cho các hụi viên đến hạn hốt hụi. Bị cáo còn bị một số hụi viên nợ với số tiền lớn nhưng không trả, tuy nhiên bị cáo vẫn cố gắng khắc phục để trả cho các bị hại nhằm hạn chế tối đa thiệt hại xảy ra. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm cho bị cáo một phần hình phạt xuống còn từ 13 năm đến 14 năm tù.

Về kháng cáo của các bị hại: Luật sư cho rằng, cơ quan điều tra đã xác định số tiền bị cáo nợ các bị hại và bị cáo khắc phục là thừa hơn số nợ bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại.

- Các bị hại tranh luận cho rằng bị cáo bỏ trốn, sau khi trở về đã đối chiếu số nợ với bị hại, tính luôn tiền khắc phục hậu quả thì bị cáo vẫn còn nợ mỗi người 65.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải hoàn trả lại số nợ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 01 năm 2024, bị cáo Trương Thị T có Đơn kháng cáo; ngày 08 tháng 01 năm 2024, bị hại Huỳnh Thị H có Đơn kháng cáo; ngày 09 tháng 01 năm 2024, bị hại Trần Thị C có Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo của bị cáo và các bị hại thực hiện trong thời hạn luật định nên được xem xét, xét xử theo thủ tục phúc thẩm quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Về tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo Trương Thị T thừa nhận hành vi phạm tội. Trong thời gian bị cáo làm chủ hụi tại nhà ở ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản (tiền) của các hụi viên nên bị cáo lập ra 08 dây hụi, loại hụi tháng, mỗi dây thấp nhất 500.000 đồng và cao nhất là 5.000.000 đồng. Với nhiều lần thực hiện hành vi mạo danh hụi viên để hốt và mua bán hụi khống. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, sổ hụi và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, cơ quan điều tra đã xác định số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 4.275.080.000 đồng. Với hành vi, thủ đoạn nêu trên. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Trương Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Với số tiền chiếm đoạt trên 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về trách nhiệm hình sự; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời còn gây mất tình hình trật tự, trị an tại địa phương và dư luận xấu trong xã hội, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều bị hại. Vì vậy cần có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo như: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại (đã bồi thường 1.334.120.000 đồng/4.087.050.000 đồng). Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa

đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, trong các lần thực hiện tội phạm của bị cáo thì nhiều lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự về phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và đã tuyên phạt bị cáo mức án 15 năm tù là có cơ sở, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị hại:

[3.1] Tại phiên tòa các bị hại cho rằng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo bỏ trốn, sau đó trở về và đối chiếu số nợ với bị hại. Theo đó bị cáo xác định còn nợ bà Huỳnh Thị H 98 triệu đồng, bị cáo đã khắc phục 33 triệu đồng nên còn nợ lại 65 triệu đồng. Tương tự, bà Trần Thị C cũng cho rằng bị cáo còn nợ bà 65 triệu đồng nên yêu cầu Tòa án buộc bị cáo trả lại số tiền trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với các dây hụi mà bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo trong thời gian dài, không phải bị cáo lừa đảo tất cả mà có sự thỏa thuận hốt hụi, đóng hụi chết, bù trừ tiền hụi cho nhau. Như vậy, trong các dây hụi này ngoài số tiền bị cáo chiếm đoạt 4.087.050.000 đồng còn có số tiền làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự trong hợp đồng góp hụi. Cơ quan điều tra đã xác định được số tiền bị cáo lừa đảo và Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho các bị hại tương ứng với số tiền bị cáo chiếm đoạt là có căn cứ.

[3.2] Trong vụ án này, Cơ quan điều tra xác định bị cáo Trương Thị T lừa đảo chiếm đoạt của bà Trần Thị C 87.110.000 đồng (ở dây hụi số 3 và số 4), đối trừ nợ hụi 56.000.000 đồng (ở dây số 2 và số C), còn nợ bà C 31.110.000 đồng. Bị cáo đã khắc phục 33.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị cáo trả thêm cho bà là có cơ sở.

Tương tự, với trường hợp của bà Huỳnh Thị H, Cơ quan điều tra xác định bị cáo Trương Thị T lừa đảo chiếm đoạt của bà 153.200.000 đồng (ở dây hụi số 3, số 6, số G và số 8), đối trừ nợ hụi chết 126.000.000 đồng (ở dây số 1, số B, số 4, số 5 và số H), còn nợ bà H 27.200.000 đồng. Bị cáo đã khắc phục 33.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị cáo trả thêm cho bà là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và các bị hại kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo và các bị hại.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và các bị hại phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

[7] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Thị T. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Trần Thị C và Huỳnh Thị H về phần trách nhiệm dân sự.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; đoạn 3 khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 48; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị T 15 (mười lăm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Thị T chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị C và bà Huỳnh Thị H mỗi người chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Công an tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bạc Liêu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồ Tâm Tú